TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT B** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021
"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT B

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.
2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2020/QĐXX-ST, ngày 22/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Quê quán; thôn G, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên

HKTT, trú tại: thôn I, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí B (tức Nguyễn Chi B), sinh năm 1991 (vắng mặt)

HKTT, trú tại: thôn I, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/2013;
- Cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/9/2015;
- Cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019

Người giám hộ cho cháu C, cháu D và cháu E: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chí B (bố, mẹ đẻ các cháu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày A sau:

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Nguyễn Chí B, sinh năm 1991, trú tại thôn I xã L huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên vào năm 2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc, anh chị đã được UBND xã L huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013. Sau khi kết hôn, chị

chuyển về chung sống cùng anh B và gia đình chồng được khoảng 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng Ang vẫn cùng thôn I, xã L, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu chung sống, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn Ang cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Kể từ đầu năm 2020, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng thường sảy ra đánh cãi, chửi nhau, cả hai đều không Aờng nhịn và không tin tưởng nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Do thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn để chung sống Ang mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra. Mặc dù còn ở chung nhà Ang hai bên không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí B.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/2013, cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019, cả ba cháu hiện đang ở với anh B.

Tại lời khai ngày 17/8/2020, chị có quan điểm nếu ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cả ba con chung, việc đóng góp nuôi con chung chị không yêu cầu anh B phải có trách nhiệm. Ang tại lời khai ngày 25/8/2020, chị có quan điểm do điều kiện kinh tế và chỗ ăn ở còn khó khăn nên chị xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chi E; giao cháu C và cháu D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Nguyễn Thị C trình bày:

Cháu là con của bố B và mẹ A. Bố mẹ cháu sinh được 03 người con, ngoài cháu còn có em Nguyễn Thị D, sinh năm 2015 và Nguyễn Chi E sinh năm 2019. Bố cháu bán hàng và ở tại cửa hàng ở thôn I, còn mẹ cháu thì thường xuyên vắng nhà nên cả ba chị em cháu ở với ông bà nội (nhà ở trong xóm, thuộc thôn I, xã L). Hiện tại cháu đang học lớp 2 Trường tiểu học L. Hàng ngày đi học do bà nội cháu đưa đón.

Nay mẹ cháu xin ly hôn với bố cháu, cháu mong muốn bố mẹ cháu đoàn tụ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020, người làm chứng, bà Bùi Thị Hải trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Chi B. Năm 2013, gia đình bà tổ chức xây dựng gia đình cho anh B kết hôn cùng chị A, anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Khoái Châu.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B chung sống tại gia đình bà tại thôn I, xã L, huyện Khoái Châu được khoảng 01 năm thì anh, chị thuê của hàng buôn bán và ở riêng. Vợ chồng anh chị chung sống bình thường đến khoảng tháng 4/2020 (âm lịch) vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị A đã có lần bỏ nhà đi Ang sau đó lại quay về, Ang gần đây chị A bỏ nhà đi và không quay về nữa. Nay chị A xin ly hôn với anh B, đề nghị Tòa án hòa

giải để anh, chị đoàn tụ, nếu chị A cương quyết xin ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 2013, cháu Nguyễn Thị D, sinh năm 2015 và cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày năm 2019.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh B bà không nắm được.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh B không có công sức xây dựng, đóng góp gì đối với gia đình bà. Bà cũng không yêu cầu vợ chồng anh B phải có trách nhiệm gì với gia đình bà.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh B nhiều lần nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh B đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị A, Ang do anh B bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết được.

Qua xác minh ngày 11/12/2020 được UBND xã L cung cấp: Anh Nguyễn Chí B (tức Nguyễn Chi B), sinh năm 1991, trú tại thôn I, xã L, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1995, quê quán thôn G xã H huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 20/3/2013 (số 22, quyển số 01/2013). Sau khi cưới, vợ chồng anh B chung sống với nhau tại thôn I, xã L. Được biết, quá trình chung sống, vợ chồng anh B đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân.

Về con chung: vợ chồng anh B, chị A có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/2013, cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03 của vợ chồng anh B, UBND xã không nắm rõ.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã L cung cấp thêm: Tại Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của cháu C, D, E và chứng minh thư của anh B có sự sai lệch về tên đệm của anh B Ang Nguyễn Chi B và Nguyễn Chí B là một người.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã nhiều lần báo triệu tập và thông báo đến tham gia giải quyết vụ án và đã hai lần thông báo và báo triệu tập anh B đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, anh B vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa hôm nay*:**

- Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chi B vắng mặt nên tại phiên tòa không đưa ra quan điểm, yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến A sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1; 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị

quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị C và cháu Nguyễn Thị D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 12/8/2020, chị Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Chi B và giải quyết về con chung cũng A các vấn đề có liên quan. Anh Nguyễn Chi B có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn I, xã L, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227; khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Chí B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã L huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2013 (số 22, quyển số 01/2013). Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị A cương quyết xin ly hôn với anh B. Tòa án nhiều lần triệu tập Ang anh B không đến, không tham gia hòa giải và không thể hiện thiện trí vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị A được ly hôn với anh B để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị A, anh B có ba con chung là cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/2013, cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019 cả ba cháu hiện đang ở với anh B. Quá trình giải quyết vụ án, trước đây chị A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung Ang sau đó chị A thay đổi ý kiến và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chi E, chị đề nghị giao cháu C và cháu D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của chị A về vấn đề con chung là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với điều kiện thực tế cũng A quy định của pháp luật nên cần giao cháu Nguyễn Chi E cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị C và cháu Nguyễn Thị D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị A không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung, anh B chưa đưa ra quan điểm của mình nên việc đóng góp nuôi con

chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị A và anh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Do chị A không yêu cầu và anh B vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39**;** Điều 144; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1; 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Chi B (tức Nguyễn Chí B).

2. *Về nuôi con chung*:

- Giao cháu Nguyễn Chi E, sinh ngày 23/5/2019 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

- Giao cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 09/11/2013 và cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 09/9/2015 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị A và anh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0002341 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị A đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã L; H
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

Đào Duy Trĩnh